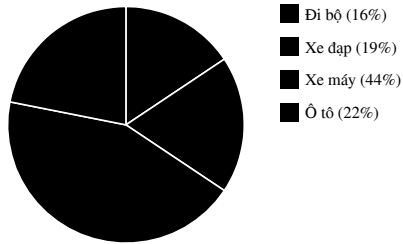


Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1882

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Biểu đồ quạt tròn bên biểu diễn cơ cấu phương tiện đi học của học sinh một lớp. Phương tiện được sử dụng nhiều nhất là:

A. Ô tô

B. Đi bộ

C. Xe đạp

D. Xe máy

Câu 2: Một tam giác vuông có cạnh huyền 5 và một cạnh góc vuông 4. Cạnh góc vuông còn lại bằng:

A. -2

B. 3

C. 5

D. 11

Câu 3: Điều kiện xác định của phân thức $\frac{3}{x+1}$ là:A. $x \neq -1$ B. $x \neq 0$ C. $x \neq 1$ D. $x = -1$ **Câu 4:** Điều kiện xác định của phân thức $\frac{9}{x+2}$ là:A. $x \neq 0$ B. $x = -2$ C. $x \neq 2$ D. $x \neq -2$ **Câu 5:** Điều kiện xác định của phân thức $\frac{8}{x+1}$ là:A. $x \neq -1$ B. $x \neq 1$ C. $x = -1$ D. $x \neq 0$ **Câu 6:** Điều kiện xác định của phân thức $\frac{4}{x+6}$ là:A. $x \neq 0$ B. $x \neq 6$ C. $x \neq -6$ D. $x = -6$

Câu 7: Điều kiện xác định của phân thức $7/(x + 7)$ là:

A. $x \neq 0$

B. $x \neq 7$

C. $x \neq -7$

D. $x = -7$

Câu 8: Điều kiện xác định của phân thức $8/(x + 5)$ là:

A. $x \neq 5$

B. $x = -5$

C. $x \neq 0$

D. $x \neq -5$

Câu 9: Điều kiện xác định của phân thức $7/(x + 5)$ là:

A. $x \neq -5$

B. $x \neq 5$

C. $x = -5$

D. $x \neq 0$

Câu 10: Điều kiện xác định của phân thức $7/(x + 8)$ là:

A. $x \neq -8$

B. $x \neq 0$

C. $x = -8$

D. $x \neq 8$

Câu 11: Phân thức $1/(x - 5)$ xác định khi và chỉ khi:

A. $x \neq 5$

B. $x = 5$

C. $x \neq 0$

D. $x > 5$

Câu 12: Phân tích đa thức $x^2 - 2^2$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x + 2)^2$

B. $(x - 2)^2$

C. $x(x - 2)$

D. $(x - 2)(x + 2)$

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Câu 1–5: trả lời ngắn (ghi đáp số); câu 6–7: tự luận (trình bày lời giải).

Câu 1: Hệ số tự do trong khai triển $(x - 4)^2$ bằng: Trả lời:

Câu 2: Một hình chữ nhật có hai kích thước 24 và 7. Độ dài đường chéo bằng: Trả lời:

Câu 3: Rút gọn phân thức $8x/x$ (với $x \neq 0$) ta được: Trả lời:

Câu 4: Trong khai triển $(x + 2)^2 = x^2 + bx + 2^2$, hệ số b bằng: Trả lời:

Câu 5: Hai số có tổng bằng 16 và hiệu bằng 6. Số lớn là: Trả lời:

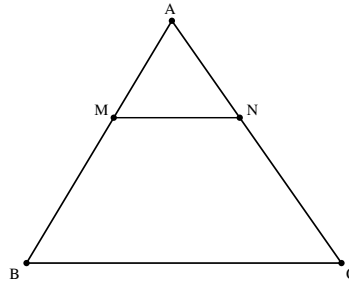
Câu 6: Cho tam giác ABC. Trên cạnh AB lấy điểm M , trên cạnh AC lấy điểm N sao cho $MN \parallel BC$.

a) Chứng minh tam giác AMN đồng dạng với tam giác ABC.

b) Cho $AM/AB = 2/3$ và $BC = 9$ cm. Tính độ dài MN.

c) Biết diện tích tam giác AMN bằng 8 cm^2 . Tính diện tích tam giác ABC.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



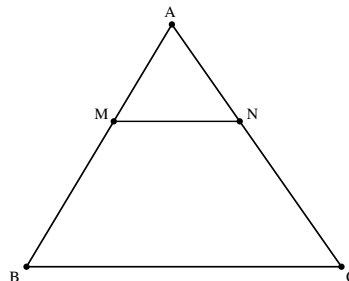
Câu 7: Cho tam giác ABC, đường thẳng d song song với BC, cắt cạnh AB tại M và cắt cạnh AC tại N .

a) Chứng minh $AM/AB = AN/AC$.

b) Chứng minh $AM/MB = AN/NC$.

c) Cho $AM = 3$ cm, $MB = 2$ cm, $AC = 7,5$ cm. Tính độ dài AN.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử học kỳ 2 môn Toán lớp 8 (Nâng cao) —
Đề số 1

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	B	A	D	A	C	C	D	A	A	A	D

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	16	25	8	4	11	(TL)	(TL)

** Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).*